

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án "Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGĐ cho vị thành niên/thanh niên" giai đoạn 2018 - 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 906/QĐ-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên/thanh niên giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 1804/TTr-SYT ngày 12 tháng 7 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Đề án "Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGĐ cho vị thành niên/thanh niên" giai đoạn 2018 - 2020.

Điều 2. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- Tổng Cục DS-KHHGĐ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị, TP;
- Chi Cục DS-KHHGĐ;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: HC-TC.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án "Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên" giai đoạn 2018 - 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1824/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh An Giang)*

I. Sự cần thiết xây dựng đề án

Năm 2016, An Giang có nhóm vị thành niên/thanh niên trong độ tuổi 10 – 24 tuổi chiếm tỷ lệ khoảng 22,76% trong dân số, tương ứng khoảng 509.000 người, trong đó riêng vị thành niên (10 -19 tuổi) chiếm khoảng 14,67% dân số, tương ứng khoảng 328.700 người. Đây là nhóm dân số đặc thù bởi họ đang trong thời kỳ “quá độ” từ trẻ em lên người trưởng thành. Trong giai đoạn này, vị thành niên/thanh niên có nhiều thay đổi về sinh lý, tâm lý và hành vi. Điều đó đòi hỏi gia đình, xã hội cần có sự quan tâm đặc biệt đến thế hệ chủ nhân tương lai của đất nước; các chính sách chương trình, mô hình can thiệp đến nhóm dân số này cũng cần có cách tiếp cận riêng biệt, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của nhóm dân số đặc thù này.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê năm 2016, tuổi kết hôn trung bình lần đầu của An Giang năm 2016 là 24,7 tuổi. Như vậy cả một thời gian dài từ khi dậy thì đến khi kết hôn là một thách thức lớn đối với mỗi bậc làm cha làm mẹ và cả xã hội trong việc đảm bảo an toàn sức khỏe sinh sản/sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên. Trong khi đó những hiểu biết, kỹ năng thực hành sức khỏe sinh sản/sức khỏe tình dục an toàn của vị thành niên/thanh niên còn nhiều hạn chế.

Trong những năm qua An Giang đã triển khai mô hình can thiệp đối với vị thành niên/thanh niên như: Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân...nhưng nhìn chung kết quả còn hạn chế: Vị thành niên/thanh niên có xu hướng biến động; kiến thức về sức khỏe sinh sản/sức khỏe tình dục (gọi tắt là SKSS/SKTD) của vị thành niên/thanh niên chưa cao; còn tình trạng kết hôn, mang thai, phá thai tuổi vị thành niên; công tác truyền thông, giáo dục chuyên đổi hành vi cho vị thành niên/thanh niên còn nhiều hạn chế; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình (gọi tắt là SKSS/KHHGD) cho vị thành niên/thanh niên chưa đáp ứng nhu cầu và Mô hình cho vị thành niên/thanh niên còn mang tính thử nghiệm.

Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số-KHHGD cho vị thành niên/thanh niên giai đoạn 2018 - 2020” sẽ đưa đến một cách tiếp cận riêng biệt, thân thiện, phù hợp và đồng bộ với nhóm dân số đặc thù này nhằm nâng cao hiểu biết, kiến thức, thái độ, hành vi của vị thành niên/thanh

niên về vấn đề SKSS/KHHGD và tăng cường khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD đối với nhóm dân số đặc thù, từ đó cải thiện tình trạng SKSS/KHHGD của Vị thành niên/thanh niên, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số - SKSS Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên giai đoạn 2018 - 2020” trên địa bàn tỉnh, với các nội dung sau:

II. Căn cứ xây dựng kế hoạch

1. Căn cứ chủ trương của Đảng và Pháp luật của Nhà nước

Căn cứ Nghị quyết số 47-NQ/TW của Bộ chính trị khóa IX ngày 22/3/2005 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách Dân số - KHHGD.

Căn cứ Luật trẻ em năm 2016; Luật thanh niên năm 2005; Luật khám bệnh chữa bệnh năm 2009; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Dân số năm 2003 và pháp lệnh sửa đổi Điều 10 Pháp lệnh Dân số năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và Quyết định số 2474/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2010/QĐ-BYT ngày 07/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành kế hoạch tổng thể quốc gia về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe vị thành niên và thanh niên Việt Nam giai đoạn 2006 - 2010, định hướng đến 2020;

Căn cứ Quyết định số 4617/QĐ-BYT ngày 16/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn cung cấp dịch vụ sức khỏe thân thiện với vị thành niên/thanh niên;

Căn cứ Quyết định số 4620/QĐ-BYT ngày 25/11/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản;

Căn cứ Quyết định số 906/QĐ-BYT ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên/thanh niên giai đoạn 2016 - 2020;

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Vị thành niên/thanh niên An Giang có xu hướng biến động

Theo kết quả Tổng điều tra Dân số và nhà ở năm 2009 cho thấy An Giang có 580.000 vị thành niên/thanh niên, chiếm tỷ lệ 27,03% tổng dân số. Đến năm 2016 nhóm dân số này là 509.000 vị thành niên/thanh niên chiếm tỷ lệ 22,76% tổng dân số. Như vậy sau 7 năm (2009 - 2016) nhóm dân số này liên tục giảm cả về quy mô lẫn tỷ trọng trong tổng dân số, trung bình nhóm dân số này giảm 0,61 điểm phần trăm/năm, tương ứng trên 10.000 vị thành niên/thanh niên/năm. Dự báo đến năm 2020 An Giang sẽ có khoảng 491.370 vị thành niên/thanh niên

chiếm tỷ lệ 21,38% tổng dân số, xu hướng này của An Giang cũng nằm trong xu hướng của cả nước.

Thành công trong Chương trình Dân số - KHHGD trong thời gian qua đã làm cho mức sinh giảm và tuổi thọ của người dân ngày càng tăng lên, điều này đã mang đến cơ hội rất lớn tập trung đầu tư, nâng cao chất lượng cuộc sống con người, chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đặc biệt là việc quan tâm, đầu tư cho lực lượng vị thành niên/thanh niên thế hệ chủ nhân tương lai của đất nước.

2.2. Hiểu biết và thực hành đúng về SKSS/KHHGD của vị thành niên/thanh niên còn hạn chế

Từ năm 2011 đến nay, An Giang đã triển khai mô hình tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân tại 156 xã, phường, thị trấn; nhìn chung, hiểu biết về sức khỏe sinh sản của vị thành niên/thanh niên còn nhiều hạn chế. Khi kiến thức về SKSS/SKTD của vị thành niên/thanh niên chưa cao thì quan niệm lại khá thông thoáng và không kiểm soát được những nhu cầu sinh lý bản năng tự nhiên của con người, nhất là ở người đang có sự thay đổi tâm sinh lý thì nhiều khả năng sẽ dẫn tới tình trạng quan hệ tình dục không an toàn, mắc bệnh lây truyền qua đường sinh sản, phá thai, sinh đẻ sớm. Những mâu thuẫn này có thể sẽ gây ảnh hưởng xấu cho sự phát triển toàn diện của vị thành niên/thanh niên.

2.3. Kết hôn, mang thai, phá thai tuổi vị thành niên

Theo số liệu thống kê của Trung tâm Chẩn sóc Sức khỏe sinh sản năm 2015 An Giang có 7.187 trường hợp vị thành niên mang thai (16,6%) và có 136 trường hợp vị thành niên phá thai (0,4%), từ số liệu trên cho thấy phần nào xu hướng về mang thai, phá thai và sinh con ở tuổi vị thành niên chắc chắn có những tác động đến tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi, tỷ số tử vong của bà mẹ...

2.4. Truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi cho vị thành niên/thanh niên còn nhiều hạn chế

Nhu cầu về truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi cho vị thành niên/thanh niên về vấn đề DS/SKSS/SKTD-KHHGD là rất lớn, trong khi đó các hình thức truyền thông cho vị thành niên/thanh niên hiện nay còn khá phân tán, thiếu sự gắn kết, sự thống nhất về nội dung, phương pháp truyền thông; mỗi hình thức truyền thông do nhiều tổ chức khác nhau thực hiện. Tổ chức và người cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hành cho vị thành niên/thanh niên cũng không phải là đội ngũ chuyên nghiệp mà là tổ chức, cán bộ truyền thông chung cho mọi đối tượng. Mặt khác chưa có chuẩn kiến thức, kỹ năng thực hành các vấn đề DS/SKSS cho vị thành niên/thanh niên trong từng giai đoạn, trong từng nhóm đối tượng theo từng địa bàn cụ thể. Nội dung truyền thông giáo dục lại thiếu cụ thể nhằm hướng dẫn kỹ năng sống về lĩnh vực nhạy cảm như: SKSS/SKTD, tư vấn sức khỏe tiền hôn nhân, tầm soát bệnh, tạt bầm sinh.

Trong khi đó, các phong tục, tập quán truyền thống lạc hậu còn khá nặng nề khi coi các vấn đề DS/SKSS/KHHGD thuộc phạm trù riêng tư, đạo đức và là nguyên nhân làm cho một bộ phận không nhỏ vị thành niên/thanh niên còn e ngại, xấu hổ, không dám công khai tìm hiểu, tiếp cận các dịch vụ chăm sóc

SKSS/KHHGD; làm cho một bộ phận người cung cấp dịch vụ kỹ thuật còn phân biệt, có thái độ cư xử không đúng chuẩn mực đối với vị thành niên/thanh niên.

2.5. Cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD cho vị thành niên/thanh niên chưa đáp ứng nhu cầu

Việc cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD trong thời gian qua tập trung hướng đến nhóm đối tượng phụ nữ có chồng mà chưa quan tâm đúng mức đến nhóm đối tượng là vị thành niên/thanh niên (hầu hết chưa có chồng/vợ). chính vì vậy khi mở rộng đối tượng cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD bao gồm cả nhóm đối tượng này thì vẫn chưa mang tính tổng thể từ tỉnh đến cơ sở chưa có cách tiếp cận riêng biệt, phù hợp; chưa có nhiều cơ sở cung cấp dịch vụ DS/SKSS thân thiện và vị thành niên/thanh niên không có nhiều cơ hội lựa chọn cơ sở, người cung cấp phù hợp; đa số cơ sở y tế và người cung cấp dịch vụ không phải là đơn vị, cá nhân cung cấp chuyên biệt cho vị thành niên/thanh niên; người cung cấp dịch vụ chưa được tập huấn đầy đủ về tâm lý, nhu cầu, sự phát triển thể chất của vị thành niên/thanh niên, thậm chí còn có sự phân biệt, cư xử không phù hợp.

2.6. Mô hình cho vị thành niên/thanh niên còn mang tính thử nghiệm

Trong thời gian qua Chi cục Dân số - KHHGD đã triển khai mô hình can thiệp đối với vị thành niên/thanh niên như: Mô hình tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân tại địa phương. Tuy nhiên mô hình này chủ yếu mang tính thử nghiệm, tiếp cận ở một phạm vi nhất định, chưa phát huy được sức mạnh tổng thể ở cấp cơ sở, gia đình và cộng đồng... chính vì vậy kết quả cũng còn nhiều hạn chế.

III. Mục tiêu của kế hoạch

1. Mục tiêu tổng quát

Đáp ứng nhu cầu kế hoạch hóa gia đình của vị thành niên/thanh niên, góp phần giảm tình trạng mang thai ngoài ý muốn và nâng cao chất lượng dân số, nhằm thực hiện thành công Chiến lược Dân số - Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kiến thức, thái độ và kỹ năng thực hành của vị thành niên/thanh niên về KHHGD được nâng lên

- Có 55% vị thành niên/thanh niên hiểu biết cơ bản về một số vấn đề Dân số - KHHGD như các biện pháp tránh thai, tác hại của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân vào năm 2020.

2.2. Tăng cường cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên

- Giảm nhu cầu KHHGD chưa được đáp ứng của vị thành niên/thanh niên xuống còn 15% vào năm 2020.

- Giảm 30% số vị thành niên/thanh niên có thai ngoài ý muốn vào năm 2020 so với năm 2016.

- Tăng tỷ lệ điểm cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD thân thiện với vị thành niên/thanh niên lên 25% tại địa bàn triển khai vào năm 2020 so với 2016.

2.3. Môi trường gia đình, xã hội thân thiện đối với vị thành niên/thanh niên được cải thiện

- 80% cấp ủy Đảng, chính quyền có văn bản chỉ đạo tạo môi trường xã hội thân thiện, ủng hộ vị thành niên/thanh niên.

- 50% cha mẹ có con trong tuổi vị thành niên/thanh niên ủng hộ, hướng dẫn, hỗ trợ con cái chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ Dân số - KHHGĐ.

IV. Thời gian, phạm vi và đối tượng của kế hoạch

1. Thời gian: Thời gian thực hiện kế hoạch từ 2018 - 2020 cụ thể như sau:

- **Năm 2018:** Xây dựng và phê duyệt kế hoạch; xây dựng mô hình chuyên biệt về truyền thông và cung cấp dịch vụ; khảo sát, đánh giá, thu thập thông tin nhằm hoàn thiện chỉ số đầu vào; tổ chức đào tạo, tập huấn, hội thảo, nâng cao năng lực nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về Dân số - KHHGĐ của vị thành niên/thanh niên cho người làm công tác truyền thông, tư vấn và cung cấp dịch vụ; Xây dựng và triển khai thực hiện các mô hình chuyên biệt về truyền thông và cung cấp các dịch vụ tại 11 huyện, thị, thành phố.

- **Năm 2019:** Tiếp tục triển khai các hoạt động năm 2018, đặc biệt các hoạt động đào tạo, tập huấn trang bị kiến thức, kỹ năng đảm bảo thực hiện hết trong toàn tỉnh; nghiên cứu, xem xét, điều chỉnh các hoạt động của mô hình chuyên biệt đồng thời xem xét có thể lựa chọn thêm các đối tác, mô hình.

- **Năm 2020:** Tiếp tục triển khai các hoạt động năm 2019; thu thập thông tin, khảo sát đánh giá các hoạt động triển khai kế hoạch giai đoạn 2018 - 2020; Tổng kết, đánh giá kế hoạch.

Trong các năm trên, đều có các hoạt động báo cáo thống kê, kiểm tra giám sát định kỳ hoặc đột xuất.

2. Phạm vi

Kế hoạch được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh (11/11 huyện, thị, thành phố).

3. Đối tượng

+ Đối tượng đích: Vị thành niên, thanh niên

+ Đối tượng tham gia: Cán bộ dân số, y tế; cơ quan dân số, y tế; các cấp ủy đảng, chính quyền và ban ngành đoàn thể và gia đình, nhà trường, cộng đồng, xã hội.

V. Các nhiệm vụ và hoạt động chủ yếu

1. Truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi

1.1. Các hoạt động lồng ghép với các hoạt động truyền thông trong Chương trình Dân số

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động truyền thông cho vị thành niên/thanh niên trong hệ thống Dân số - KHHGĐ các cấp.

- Lồng ghép nội dung truyền thông Dân số - KHHGĐ cho vị thành niên/thanh niên vào các hoạt động thường xuyên của các ban, ngành, đoàn thể.

- Tăng cường truyền thông Dân số - KHHGĐ cho vị thành niên/thanh niên

trên các chuyên trang, chuyên mục, bài viết, phóng sự về vị thành niên/thanh niên của các cơ quan truyền thông đại chúng, nhất là trên các trang thông tin điện tử (mạng xã hội, trang web, facebook...). Sử dụng công nghệ thông tin hiện đại, điện thoại di động, phương tiện để truyền thông DS/SKSS/KHHGD cho vị thành niên/thanh niên.

- Tiếp tục thực hiện việc giáo dục giới tính, bình đẳng giới, Dân số - KHHGD thông qua việc lồng ghép các nội dung vào các môn học, cấp học trong hệ thống giáo dục.

1.2. Hoạt động truyền thông chuyên biệt

Mô hình truyền thông chuyên biệt cho vị thành niên/thanh niên được xác định là việc giáo dục, truyền thông về kiến thức và kỹ năng thực hành về Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên. Tính chuyên biệt được thể hiện thông qua:

- Người làm truyền thông, tư vấn: Hoạt động truyền thông này thực hiện bởi những người không chỉ có kiến thức chuyên môn và kỹ năng truyền thông về Dân số - KHHGD mà còn được trang bị kiến thức về tâm sinh lý của vị thành niên/thanh niên, kỹ năng tiếp cận, làm việc với vị thành niên/thanh niên, bảo đảm tính riêng tư, bảo mật, đồng cảm, tế nhị, bình đẳng, không phán xét đối với vị thành niên/thanh niên. Người thực hiện các hoạt động truyền thông chuyên biệt cũng có thể là chính các vị thành niên/thanh niên, những người đồng đẳng, những thành viên trong gia đình, nhà trường.

- Phương thức, kênh truyền thông; không gian truyền thông, địa điểm, thời gian truyền thông: đều phải chuyên biệt, phù hợp với vị thành niên/thanh niên. Điều này phụ thuộc vào đặc điểm riêng biệt của các nhóm vị thành niên/thanh niên và ở các địa bàn riêng biệt và cần có các cách tiếp cận phù hợp, thân thiện.

- Thông điệp truyền thông được xây dựng phù hợp với vị thành niên/thanh niên.

Các mô hình truyền thông chuyên biệt được xây dựng, thực hiện phù hợp với từng nhóm tuổi vị thành niên/thanh niên, nhóm đối tượng vị thành niên/thanh niên.

1.2.1. Truyền thông thông qua gia đình

- Tổ chức các hoạt động truyền thông chuyên biệt nhằm cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng thực hành về Dân số - KHHGD của vị thành niên/thanh niên cho các bậc làm cha làm mẹ, ông bà, anh chị trong gia đình của vị thành niên/thanh niên để từ đó họ có kiến thức, kỹ năng giáo dục vị thành niên/thanh niên về Dân số - KHHGD.

1.2.2. Phối hợp với đơn vị chức năng của ngành giáo dục

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình/góc truyền thông giáo dục do giáo viên được trang bị kiến thức, kỹ năng về Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên chủ trì thực hiện. Các mô hình/góc này sẽ thu hút học sinh, sinh viên tham gia sinh hoạt ngoài giờ lên lớp về các chuyên đề Dân số - KHHGD, hôn nhân, tầm soát bệnh tật bẩm sinh, tham gia các cuộc thi kiến thức, thi tìm hiểu về các vấn đề Dân số - KHHGD.

- Phối hợp truyền thông giáo dục giữa các đơn vị của hệ thống Dân số -

KHHGD với các nhà trường thực hiện các hoạt động truyền thông giáo dục về Dân số - KHHGD cho học sinh, sinh viên.

1.2.3. Phối hợp với đơn vị chức năng của Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ, Công đoàn, chủ doanh nghiệp, các tổ chức xã hội

- Tổ chức các hoạt động truyền thông đặc thù (bao gồm cả cách thức, thời gian, địa điểm tiến hành) cho các thành viên của các đoàn thể, thanh niên lao động tham gia sinh hoạt, tìm hiểu các chuyên đề Dân số - KHHGD, hôn nhân và tổ chức các cuộc thi kiến thức, thi tìm hiểu về các vấn đề Dân số - KHHGD nhằm tăng sức khỏe người lao động, tăng khả năng tái tạo sức lao động.

1.2.4. Lập điểm tư vấn, truyền thông chuyên biệt về Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên.

- Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh triển khai tư vấn, truyền thông chuyên biệt về Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên tại Trung tâm Tư vấn dịch vụ Dân số - KHHGD tỉnh.

- Thí điểm, khuyến khích và hỗ trợ Trung tâm Dân số - KHHGD các huyện, thị, thành phố lập điểm tư vấn, truyền thông (bao gồm cung cấp dịch vụ) chuyên biệt về Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên.

2. củng cố, hoàn thiện hệ thống cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD thân thiện với vị thành niên/thanh niên

Dịch vụ Dân số - KHHGD là các hoạt động phục vụ công tác dân số, bao gồm dịch vụ thông tin, tuyên truyền, giáo dục, vận động, hướng dẫn và tư vấn về dân số (gọi chung là tuyên truyền, tư vấn); cung cấp biện pháp chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hoá gia đình, nâng cao chất lượng dân số và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2.1. Các hoạt động lồng ghép với các hoạt động cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD nói chung

- Mở rộng và hoàn thiện mạng lưới cung cấp dịch vụ DS/SKSS/KHHGD bao gồm tính sẵn có, an toàn, thuận tiện, thân thiện cho vị thành niên/thanh niên.

- Hướng dẫn tổ chức kinh doanh, hiệu thuốc, người bán lẻ không phân biệt, bảo đảm bí mật, tính riêng tư khi cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa KHHGD cho vị thành niên/thanh niên.

- Trang bị kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ tư vấn, cung cấp dịch vụ chuyên biệt cho vị thành niên/thanh niên để tư vấn thân thiện về sức khỏe tiền hôn nhân, kết hôn cận huyết thống và các yếu tố nguy cơ đến bệnh tật bẩm sinh cho vị thành niên/thanh niên trước khi đăng ký kết hôn...

- Tập huấn, đảm bảo thực hiện đúng hướng dẫn quy trình khám sức khỏe tiền hôn nhân, khám phát hiện bệnh tan máu bẩm sinh, sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh... cho vị thành niên/thanh niên. Thực hiện đúng những quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình cung cấp các dịch vụ lâm sàng.

2.2. Các hoạt động cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD chuyên biệt

Xây dựng điểm cung cấp dịch vụ thân thiện kiểu mới với vị thành niên/thanh niên như: “điểm dịch vụ thân thiện”, “phòng khám thân thiện”... cho vị thành niên/thanh niên tại cơ sở y tế của khu công nghiệp, khu vực có đông thanh niên

lao động di cư, tại các huyện, thị, thành phố... Theo đó, những nhân viên cung cấp dịch vụ được đào tạo các kiến thức, kỹ năng để tiếp cận với vị thành niên/thanh niên một cách thân thiện, kín đáo, tôn trọng sự riêng tư của vị thành niên/thanh niên, cư xử đúng mực; Thời giờ cung cấp dịch vụ linh hoạt, các cơ chế phù hợp...

Các cán bộ cung cấp dịch vụ thân thiện với vị thành niên/thanh niên phải được đào tạo về cung cấp dịch vụ thân thiện với vị thành niên/thanh niên và có chứng nhận đã hoàn thành lớp đào tạo.

2.3. Xây dựng và thử nghiệm các mô hình chuyên biệt và phù hợp

2.3.1. Mô hình truyền thông, cung cấp dịch vụ DS-KHHGD cho thanh niên trong tại các khu công nghiệp

a. Các hoạt động chính của mô hình:

- Xây dựng, hoàn thiện mạng lưới tuyên truyền viên về CSSKSS/KHHGD.

+ *Mục tiêu:* mỗi khu công nghiệp tại địa phương có ít nhất 5 tuyên truyền viên về CSSKSS/KHHGD.

+ *Đối tượng:* Đại diện cán bộ Y tế, bộ phận công đoàn hoặc phụ trách nhân sự trong các khu công nghiệp.

+ *Cách thức tiến hành:* Trung tâm Dân số - KHHGD các huyện, thị, thành phố phối hợp với các khu công nghiệp tổ chức xây dựng và triển khai hoạt động của từng mạng lưới tuyên truyền viên và phối hợp với Chi cục đào tạo về kiến thức và kỹ năng tuyên truyền vận động về CSSKSS/KHHGD.

b. Hoàn thiện các phòng tư vấn SKSS/KHHGD

+ *Mục đích:* Trên cơ sở cơ sở vật chất sẵn có của khu công nghiệp bổ sung các thiết bị, dụng cụ, tài liệu để hoàn thiện, đẩy mạnh hoạt động, phát huy hiệu quả của các phòng tư vấn SKSS/KHHGD.

+ *Cách thức tiến hành:* Bổ sung trang thiết bị, cập nhật tài liệu phục vụ công tác tư vấn, xây dựng, hoàn thiện cơ chế phối hợp trong triển khai hoạt động phòng tư vấn.

c. Các hoạt động truyền thông

+ Nói chuyện chuyên đề trang bị kiến thức về CSSKSS cho công nhân, người lao động tại các khu công nghiệp.

+ Lồng ghép các nội dung về DS-KHHGD vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ do các khu công nghiệp tổ chức.

+ Lồng ghép các nội dung tuyên truyền thông qua các buổi họp tổ sản xuất, họp nhóm hoặc các hoạt động trong thời gian ăn trưa...tại nhà máy, xí nghiệp.

+ Lồng ghép cung cấp thông tin về SKSS/KHHGD vào các Câu lạc bộ sẵn có hoặc thành lập các câu lạc bộ.

+ Tổ chức tuyên truyền vận động lồng ghép cung cấp các dịch vụ CSSKSS và phương tiện tránh thai cho các đối tượng.

+ Bổ sung tài liệu tuyên truyền về nội dung chăm sóc SKSS/KHHGD.

+ Vận động các đối tượng là nhà quản lý: cung cấp kiến thức cơ bản về các dịch vụ Dân số - KHHGD, SKSS và phương tiện tránh thai cho các đối tượng là

chủ doanh nghiệp, các nhà quản lý để họ hiểu được lợi ích của mô hình đối với quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, vận động được sự ủng hộ, chung tay của các đối tượng quản lý trong việc triển khai mô hình.

d. Nâng cao chất lượng dịch vụ CSSKSS/KHHGD tại khu công nghiệp

+ Tổ chức đào tạo các kỹ năng, kỹ thuật cơ bản cho y tế các khu công nghiệp trong khả năng có thể đảm nhận thực hiện cung cấp những dịch vụ tối thiểu của công tác CSSKSS/KHHGD như: cấp phát, bán thuốc tránh thai và Bao cao su...tại nhà máy.

+ Lựa chọn triển khai cung cấp các dịch vụ CSSKSS và phương tiện tránh thai phù hợp với chuyên môn của y tế các khu công nghiệp và mức thu nhập của công nhân.

+ Tăng cường các dịch vụ CSSKSS/KHHGD có chất lượng tại các cơ sở y tế nhà nước và tư nhân trên địa bàn để có thể đáp ứng được nhu cầu của công nhân.

+ Tăng cường sự quan tâm của Sở Y tế, tham mưu với Sở Y tế để có văn bản chỉ đạo công tác chăm sóc sức khỏe, trong đó có SKSS cho các đơn vị y tế trong các khu công nghiệp.

e. Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác Dân số/y tế tại các khu công nghiệp

+ Tổ chức tập huấn cho cán bộ y tế các khu công nghiệp về các nội dung của SKSS/KHHGD. Lấy cán bộ y tế làm trọng tâm kết hợp với đào tạo có trọng điểm cộng tác viên dân số là công nhân tại các phân xưởng. Ưu tiên lựa chọn CTV là trưởng phân xưởng hoặc trưởng dây chuyền sản xuất. Thông qua cán bộ y tế khu công nghiệp và CTV để nhân rộng tuyên truyền cho công nhân công ty, nhà máy, phân xưởng...

+ Phát huy vai trò tích cực chủ động của cán bộ và cộng tác viên Dân Số địa phương có khu công nghiệp và công nhân đang sinh sống. Đào tạo bổ sung cán bộ dân số, phân công cán bộ phụ trách công tác Dân số - KHHGD tại khu công nghiệp. Cán bộ Dân số địa phương cần bám sát và có những thông tin cụ thể về nhận thức và nhu cầu của công nhân về CSSKSS và phương tiện tránh thai. Kịp thời phát hiện và đề xuất với cơ quan dân số cấp trên về tình hình SKSS/KHHGD của công nhân các khu công nghiệp.

+ Có chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, công nhân tham gia vào các hoạt động CSSKSS/KHHGD tại các khu công nghiệp.

+ Cần có sự chỉ đạo và liên hệ chặt chẽ giữa y tế của khu công nghiệp với y tế địa phương trong việc tìm hiểu nhận thức, nhu cầu của công nhân cũng như tổ chức tuyên truyền và cung cấp dịch vụ cho công nhân.

f. Cung cấp phương tiện tránh thai cho các đối tượng

+ *Mục đích:* Phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục trong đó bao gồm HIV/AIDS và phòng tránh mang thai ngoài ý muốn.

+ *Cách thức tiến hành:* Trung tâm Dân số - KHHGD các huyện, thị, thành phố phối hợp với các khu công nghiệp và các đơn vị y tế trên địa bàn tổ chức cung cấp các phương tiện tránh thai cho công nhân.

3.3.2. Mô hình truyền thông về Dân số - KHHGD, SKSS cho vị thành

niên/thanh niên trong nhà trường với các hoạt động chính của mô hình:

- Lòng ghép nội dung giáo dục giới tính, bình đẳng giới, Dân số - KHHGD vào các môn học, cấp học.

- Hỗ trợ xây dựng và duy trì chuyên trang, chuyên mục về giáo dục giới tính, bình đẳng giới, Dân số - KHHGD trên website hoặc trang facebook của nhà trường.

- Xây dựng và duy trì các “góc thân thiện” trong nhà trường được thực hiện dưới 02 hình thức:

- + Góc thân thiện đặt tại thư viện hoặc phòng sinh hoạt chung: cung cấp các tài liệu về giáo dục giới tính, hôn nhân – gia đình, các kiến thức về Dân số - KHHGD, chăm sóc SKSS.

- + Góc thân thiện online: Ngoài việc cung cấp các tài liệu liên quan đến Dân số - KHHGD/SKSS, góc thân thiện online còn có thể giải đáp trực tiếp các thắc mắc của học sinh đảm bảo sự thân thiện, kín đáo và hiệu quả.

- Tổ chức cuộc thi tìm hiểu kiến thức về các vấn đề Dân số - KHHGD online (thông qua website hoặc trang facebook của nhà trường) hoặc tổ chức dưới dạng các cuộc hội thi, hội diễn...

- Tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tư vấn, tuyên truyền về Dân số - KHHGD cho đội ngũ giáo viên trong nhà trường.

3. Tạo môi trường gia đình, xã hội thân thiện

Những nhiệm vụ và hoạt động chủ yếu

- Tham mưu với các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo đối với các hoạt động của kế hoạch nói riêng cũng như đối với vị thành niên/thanh niên nói chung

- Cung cấp thông tin, vận động, huy động các chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng tham gia truyền thông Dân số - KHHGD, thay đổi quan niệm không tích cực với vị thành niên/thanh niên, ủng hộ vị thành niên/thanh niên được chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và kỹ năng thực hiện các dịch vụ Dân số - KHHGD và giáo dục lối sống lành mạnh cho vị thành niên/thanh niên.

- Cung cấp thông tin, truyền thông cho các bậc cha mẹ, ông bà, anh chị của vị thành niên/thanh niên về lợi ích của việc bảo đảm cho vị thành niên/thanh niên được chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và kỹ năng thực hiện các dịch vụ Dân số - KHHGD.

- Cung cấp thông tin và vận động các tổ chức xã hội, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện các biện pháp bảo đảm cho vị thành niên/thanh niên được chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức, thực hiện dịch vụ Dân số - KHHGD; tham gia công tác truyền thông, cung cấp dịch vụ trong khả năng cho phép.

- Rà soát, hoàn thiện chính sách trợ giúp vị thành niên/thanh niên thuộc hộ nghèo, đối tượng chính sách xã hội, cư trú ở vùng khó khăn được các dịch vụ miễn phí về tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân, khám phát hiện bệnh Thalasamira và các yếu tố nguy cơ đến bệnh tật bẩm sinh.

- Rà soát, hoàn thiện chính sách hỗ trợ cán bộ tư vấn, cán bộ kỹ thuật khám sức khỏe tiền hôn nhân, khám phát hiện bệnh dị tật bẩm sinh, và các yếu tố nguy

cơ đến bệnh tật bẩm sinh.

- Tăng cường xã hội hóa trong việc cung cấp các dịch vụ Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên. Đề xuất xây dựng các cơ chế tiếp thị xã hội, cơ chế thị trường, cơ chế huy động nguồn lực nhằm huy động sự đóng góp của vị thành niên/thanh niên, giảm bớt áp lực đối với ngân sách Nhà nước; xác nhận điểm cung cấp dịch vụ thân thiện đối với vị thành niên/thanh niên...

4. Nâng cao năng lực

4.1. Hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ

- Hội thảo với các nhà quản lý về thực trạng và biện pháp nâng cao năng lực cho vị thành niên/thanh niên, các tổ chức và cán bộ truyền thông các cấp, các đơn vị và người cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD các cấp; cơ chế, chính sách, biện pháp xã hội hóa công tác truyền thông, cung cấp dịch vụ và trợ giúp vị thành niên/thanh niên chủ động thực hiện các hành vi có lợi về Dân số - KHHGD.

- Tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ truyền thông, tư vấn của hệ thống Dân số - KHHGD các cấp về kiến thức, kỹ năng truyền thông, tư vấn và đặc điểm phát triển tâm sinh lý, thể chất của lứa tuổi vị thành niên/thanh niên; kỹ năng làm việc với vị thành niên/thanh niên.

- Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cập nhật về chuyên môn, kỹ thuật về tầm soát dị tật bẩm sinh; nhu cầu và tâm sinh lý vị thành niên/thanh niên; kỹ năng làm việc với vị thành niên/thanh niên cho những người thường xuyên cung cấp dịch vụ tầm soát dị tật bẩm sinh và cán bộ điều hành chuyên môn. Đào tạo chuyên biệt người cung cấp dịch vụ để làm việc với vị thành niên/thanh niên.

- Đào tạo, tập huấn trang bị kiến thức về tâm lý, đặc điểm phát triển sinh lý, thể chất của vị thành niên/thanh niên; các kỹ năng truyền thông, tư vấn đối với vị thành niên/thanh niên; chính sách pháp luật Dân số - KHHGD đối với vị thành niên/thanh niên; các quy định chuyên môn, quy trình thực hiện dịch vụ Dân số - KHHGD.

- Tập huấn, bồi dưỡng cho người cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD các cấp về kiến thức cập nhật, các loại dịch vụ, quy trình dịch vụ, các thủ tục cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên và đặc điểm phát triển tâm, sinh lý, thể chất của lứa tuổi vị thành niên/thanh niên; kỹ năng làm việc với vị thành niên/thanh niên.

- Tập huấn, bồi dưỡng cho người cung cấp dịch vụ tầm soát dị tật bẩm sinh và cán bộ điều hành chuyên môn về kiến thức cập nhật chuyên môn, kỹ thuật tầm soát dị tật bẩm sinh và đặc điểm phát triển tâm, sinh lý, thể chất của lứa tuổi vị thành niên/thanh niên; kỹ năng làm việc với vị thành niên/thanh niên.

4.2. Tổ chức thực hiện các nghiên cứu, đánh giá tác nghiệp

Nghiên cứu, đánh giá về nhu cầu của vị thành niên/thanh niên và mức độ chấp nhận của vị thành niên/thanh niên đối với việc cung cấp thông tin, truyền thông và cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD thân thiện.

Nghiên cứu về tác động của giáo dục đồng đẳng, sinh hoạt câu lạc bộ, xây dựng góc thân thiện, việc trao đổi giữa cha mẹ và con cái, tương tác giữa giáo viên và học sinh, giữa cán bộ đoàn thanh niên với vị thành niên/thanh niên.

Nghiên cứu về việc phối hợp và cơ chế phối hợp trong việc truyền thông, tư vấn và cung cấp dịch vụ kỹ thuật; trong quản lý và điều hành tổ chức thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, hoạt động về Dân số - KHHGD đối với vị thành niên/thanh niên.

5. Công tác quản lý thu thập thông tin

- Công tác thu thập thông tin, khảo sát, đánh giá đầu vào, đầu ra của kế hoạch nhằm so sánh các chỉ tiêu, chỉ báo, đánh giá kết quả kế hoạch vào năm 2020. Những lĩnh vực sẽ được thu thập thông tin, khảo sát, đánh giá: về thực trạng, môi trường chính sách, xã hội thân thiện với vị thành niên/thanh niên; về cơ sở vật chất của các cơ sở cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD; sự sẵn sàng cung ứng dịch vụ thân thiện cho vị thành niên/thanh niên của đội ngũ nhân viên, và kiến thức, thái độ, kỹ năng thực hành các hành vi có lợi về Dân số - KHHGD của vị thành niên/thanh niên...

- Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên. Ứng dụng phần mềm tin học, kết nối mạng giữa các cơ sở tư vấn, cơ sở dịch vụ, cơ sở nghiên cứu khoa học và cơ quan quản lý các cấp phục vụ cho việc tư vấn, cung cấp dịch vụ, nghiên cứu, đánh giá và xây dựng chính sách, biện pháp đối với vị thành niên/thanh niên. Đồng thời thu thập, lấy ý kiến của vị thành niên/thanh niên làm thước đo đánh giá các cơ sở thực hiện các quy định của pháp luật, các quyết định chuyên môn và quy trình kỹ thuật đã được ban hành.

- Quản lý chuyên môn nghiệp vụ thực hiện kế hoạch về thông kê, báo cáo, kiểm tra, giám sát, quản lý tài chính, tổ chức hội nghị hàng năm, sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch.

6. Công tác kiểm tra giám sát

Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch tại địa phương theo kế hoạch định kỳ và đột xuất.

VI. Những giải pháp chủ yếu

1. Lãnh đạo, tổ chức và quản lý

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền đối với công tác Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên. Coi công tác này là một nội dung trọng tâm trong các chương trình, kế hoạch công tác thường xuyên của cấp ủy Đảng, chính quyền.

Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông và cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên bao gồm những cán bộ trong hệ thống Dân số - KHHGD và các cơ quan tổ chức có liên quan trong việc phối hợp thực hiện. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý kế hoạch; Tăng cường phối hợp với các đơn vị, cá nhân tổ chức có liên quan trong thực hiện kế hoạch; Báo cáo, kiểm tra, giám sát đảm bảo kế hoạch được thực hiện đúng, hiệu quả.

2. Truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi

Tăng cường phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về Dân số - KHHGD đối với vị thành niên/thanh niên cho cộng đồng, xã hội. Triển khai mạnh, có hiệu quả các hoạt động truyền thông, giáo dục với nội dung, hình thức và cách tiếp cận

phù hợp với vị thành niên/thanh niên trong đó đặc biệt lưu ý đến nhóm yếu thế; Tăng cường các hoạt động truyền thông giáo dục về Dân số - KHHGD trong các nhà trường, khu công nghiệp; Phối hợp các ban ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội... thực hiện truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi. Tăng cường sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại như internet, truyền thông đa phương tiện, điện thoại di động...; thí điểm các mô hình truyền thông thân thiện, phù hợp với vị thành niên/thanh niên.

3. Dịch vụ Dân số - KHHGD

Nâng cao chất lượng dịch vụ Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên tại tất cả các cơ sở cung cấp dịch vụ; nâng cấp cơ sở hạ tầng, bổ sung trang thiết bị và tập huấn cập nhật kiến thức cho những người cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên; Nâng cao chất lượng hệ thống hậu cần, đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời các phương tiện tránh thai và hàng hóa sức khỏe sinh sản cho vị thành niên/thanh niên.

Tăng cường chất lượng cung cấp các dịch vụ tư vấn và kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc, chẩn đoán và điều trị sớm một số bệnh, tật trước khi sinh và sơ sinh; Thí điểm các mô hình cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD thân thiện, phù hợp với vị thành niên/thanh niên.

4. Tạo môi trường gia đình, xã hội thân thiện với vị thành niên/thanh niên

Tích cực rà soát, nghiên cứu, đề xuất xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách về Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên; cơ chế hỗ trợ vị thành niên/thanh niên dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo, vùng khó khăn tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ Dân số - KHHGD một cách bình đẳng, thân thiện; cơ chế hỗ trợ cán bộ tư vấn, cán bộ kỹ thuật khám sức khỏe tiền hôn nhân, khám phát hiện bệnh dị tật bẩm sinh, và các yếu tố nguy cơ đến bệnh tật bẩm sinh; Tăng cường xã hội hóa trong việc cung cấp các dịch vụ Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên.

Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá, truyền thông giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của các bậc làm cha mẹ, gia đình và cộng đồng xã hội về Dân số - KHHGD đối với vị thành niên/thanh niên; xóa bỏ các quan niệm lạc hậu, không đúng đắn, không phù hợp về vị thành niên/thanh niên.

5. Tài chính

Tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước; đẩy mạnh việc đa dạng hóa các nguồn đầu tư cho kế hoạch. Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư.

Ngân sách trung ương đầu tư cho các nhiệm vụ, hoạt động trong phạm vi gồm:

- Hướng dẫn chung.
- Điều phối và giám sát; hỗ trợ thực hiện thử nghiệm về các hoạt động truyền thông, tư vấn chuyên biệt và cung cấp dịch vụ tại một số địa bàn của huyện, thị, thành phố.
- Hỗ trợ nghiên cứu, rà soát đề xuất xây dựng một số chính sách, cơ chế, biện

pháp cụ thể.

- Hỗ trợ khảo sát, đánh giá trước, sau giai đoạn thực hiện dự án và một số nghiên cứu tác nghiệp cần thiết.

- Đào tạo, tập huấn, hội thảo, hội nghị, nâng cao năng lực...

VII. Kinh phí và cơ chế quản lý

1. Kinh phí

Tổng kinh phí thực hiện kế hoạch giai đoạn 2018 - 2020 là: **1.725.000.000** đồng. (Một tỷ, bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn)

Cụ thể:

* Năm 2018: 563.000.000 đồng.

* Năm 2019: 563.000.000 đồng.

* Năm 2020: 599.000.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết đính kèm)

2. Cơ chế phối hợp quản lý và điều hành

Cơ chế quản lý và điều hành kế hoạch thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý nguồn vốn sự nghiệp y tế/dân số và xã hội hóa công tác y tế/dân số. Sở Y tế (Chi cục Dân số - KHHGD) chịu trách nhiệm thực hiện việc điều hành các hoạt động của kế hoạch; phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc triển khai kế hoạch; tổ chức các hoạt động theo hướng dẫn; kiểm tra, giám sát của Bộ Y tế (Tổng cục Dân số - KHHGD).

VIII. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên” giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh An Giang; chủ trì xây dựng nội dung và kinh phí thực hiện các hoạt động của kế hoạch gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban Nhân dân tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hằng năm, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Đề án và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế (Tổng cục Dân số - KHHGD); tổ chức sơ kết hàng năm và tổng kết việc thực hiện kế hoạch vào cuối năm 2020.

- Chỉ đạo Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình:

+ Chịu trách nhiệm thực hiện kế hoạch; phối hợp với các phòng của Sở Y tế có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch.

+ Phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành các thủ tục tiếp nhận và sử dụng các nguồn lực, hỗ trợ kỹ thuật cho kế hoạch.

+ Định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo Lãnh đạo Sở Y tế.

+ Xây dựng, trình Sở Y tế các văn bản, hướng dẫn để ban hành theo thẩm quyền.

+ Xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các văn bản, hướng dẫn trong lĩnh

vực chuyên môn.

Trên cơ sở kế hoạch được duyệt, xây dựng, điều chỉnh kịp thời danh mục chi tiết các dự án đầu tư liên quan trình Sở Y tế phê duyệt và công bố theo quy định.

- Chỉ đạo Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản:

Phối hợp với Chi cục Dân số - KHHGD trong việc theo dõi, giám sát đánh giá chất lượng việc thực hiện tư vấn và cung cấp các dịch vụ SKSS/KHHGD, khám sức khỏe tiền hôn nhân. Chủ trì, phối hợp với Chi cục Dân số - KHHGD trong việc thực hiện hướng dẫn chuẩn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình. Làm đầu mối chỉ đạo, tổng hợp báo cáo các hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật lâm sàng liên quan đến sức khỏe vị thành niên/thanh niên.

- Chỉ đạo Phòng Kế hoạch - Tài chính (Sở Y tế):

+ Phối hợp với Chi cục Dân số - KHHGD báo cáo Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính để cân đối và phân bổ nguồn lực cho kế hoạch; cơ chế, chính sách thực hiện kế hoạch; hướng dẫn triển khai kế hoạch.

+ Phối hợp với Chi cục Dân số - KHHGD, trên cơ sở khả năng ngân sách nhà nước, hàng năm bố trí ngân sách thực hiện kế hoạch; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác liên quan

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp với các đơn vị có liên quan vận động các nguồn hỗ trợ cho Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên” giai đoạn 2017-2020 địa bàn tỉnh An Giang.

3. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, căn cứ khả năng ngân sách nhà nước hàng năm, bố trí ngân sách để thực hiện các hoạt động của kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên” giai đoạn 2017-2020 địa bàn tỉnh An Giang sau khi được phê duyệt; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện đã được phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác liên quan.

4. Các Sở, ngành liên quan:

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Chi cục Dân số - KHHGD tổ chức, triển khai, thực hiện kế hoạch theo quy định của pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân huyện, thị, thành phố

- Huy động nguồn lực và khai thác lợi thế của địa phương.

- Lòng ghép có hiệu quả các hoạt động của kế hoạch với các hoạt động của các Chương trình, dự án khác có liên quan đang thực hiện trên cùng địa bàn đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

- Chỉ đạo Trung tâm Dân số - KHHGD huyện tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng hướng dẫn của Sở Y tế.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch tại địa phương theo kế hoạch định kỳ và đột xuất.

- Thực hiện chế độ báo cáo thực hiện kế hoạch theo quy định hiện hành.

- Tích cực huy động nguồn lực và khai thác lợi thế của từng địa phương; tổ chức thực hiện kế hoạch theo chỉ đạo và hướng dẫn của Sở Y tế.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện tại địa phương; thực hiện chế độ báo cáo hàng năm việc thực hiện kế hoạch trên địa bàn theo quy định hiện hành.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án "Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên" giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh. Yêu cầu Sở Y tế chủ động tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổng cục Dân số - KHHGD đúng thời gian quy định./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình